

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17-02-2025

V/v: "Không công nhận quan hệ
vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi

Bà Hoàng Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chu Thị N, sinh năm 1965; có mặt;

Bị đơn: Ông Tô Ngọc L, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương và về chung sống với nhau từ tháng 4 năm 1989, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn, bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L chung sống tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022, ông Tô Ngọc L không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, bán nông sản của gia đình, mỗi lần say rượu ông Tô Ngọc L lại đánh đập chửi bới vợ con. Nay

xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Chu Thị N yêu cầu Tòa không công nhận bà và ông Tô Ngọc L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L có 03 người con chung tên là Tô Văn C1, sinh ngày 01/9/1989, Tô Thị L2, sinh ngày 24/02/1991 và Tô Văn T, sinh ngày 17/9/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Tô Ngọc L trình bày: Ông và bà Chu Thị N có được tổ chức lễ cưới theo tập quán và chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hòa thuận, tới năm 2022 xảy ra bất đồng quan điểm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Chu Thị N yêu cầu Tòa án không công nhận bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L là vợ chồng, ông nhất trí, vì lý do sức khỏe yếu không đi lại được, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Về con chung: Ông Tô Ngọc L và bà Chu Thị N có 03 người con chung tên là Tô Văn C1, sinh ngày 01/9/1989, Tô Thị L2, sinh ngày 24/02/1991 và Tô Văn T, sinh ngày 17/9/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N. không công nhận bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 người con chung tên là Tô Văn C1, sinh ngày 01/9/1989, Tô Thị L2, sinh ngày 24/02/1991 và Tô Văn T, sinh ngày 17/9/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Chu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L là vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tô Ngọc L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Tô Ngọc L đã có nguyện vọng xét xử vắng mặt được ghi trong lời khai. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.... Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt. Theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tô Ngọc L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo tập quán của địa phương từ năm 1989. Bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L đều thống nhất cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm 2022 ông bà có xảy ra mâu thuẫn, bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L cũng xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân H cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã H qua rà soát các hộ gia đình trong xã trong sổ đăng ký kết hôn có tên của bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L, tuy nhiên không có chữ ký của ông bà trong sổ, Ủy ban nhân dân xã H xác định không có trường hợp đăng ký kết hôn của bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của luật này"*; Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*; Theo khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày

09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, có căn cứ xác định bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên không công nhận bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L có 03 người con chung tên là Tô Văn C1, sinh ngày 01/9/1989, Tô Thị L2, sinh ngày 24/02/1991 và Tô Văn T, sinh ngày 17/9/1993. Hiện các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Chu Thị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N. Không công nhận bà Chu Thị N và ông Tô Ngọc L là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Chu Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Chu Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000966, ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Bà Chu Thị N không phải nộp nữa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Chu Thị N, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Tô Ngọc L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Lợi

Hoàng Thị Liễu

Nông Thị Hà

